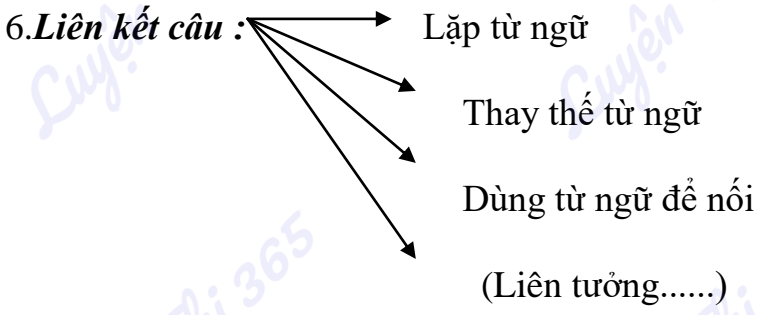
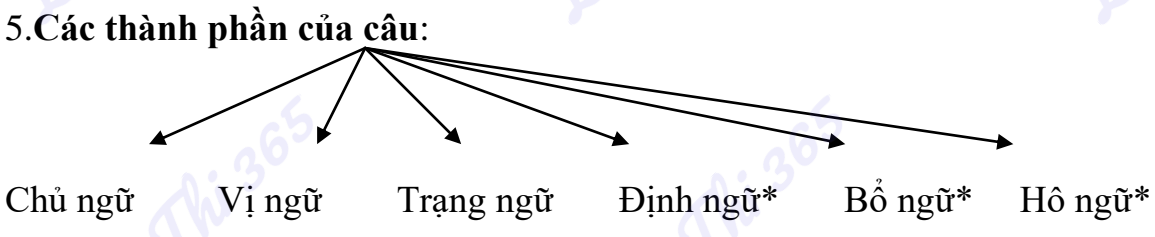
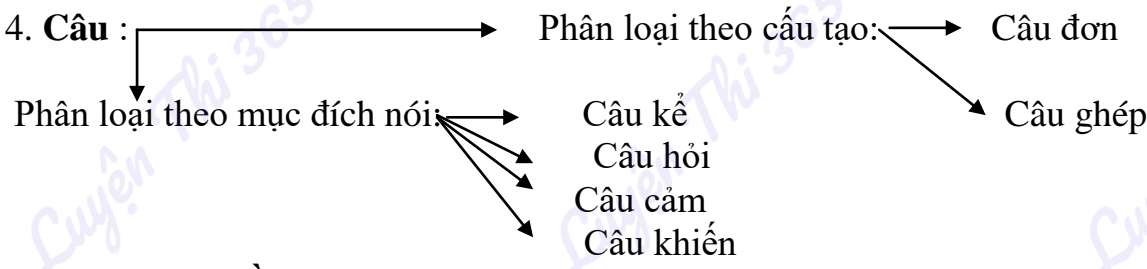
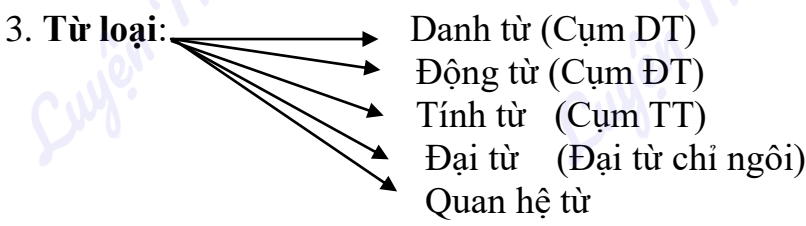
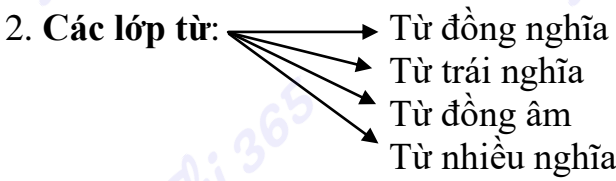
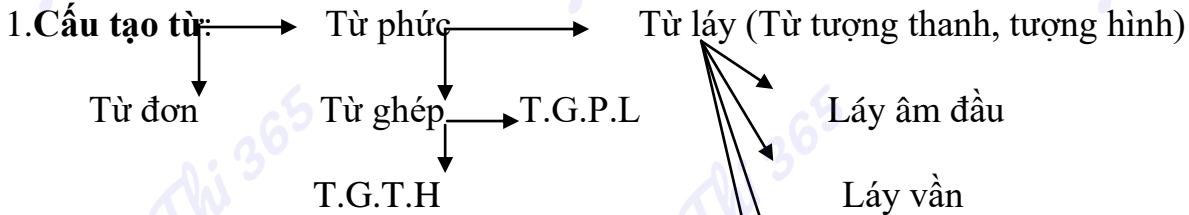
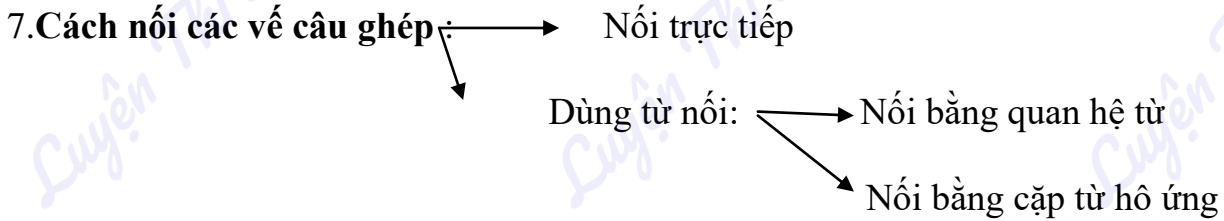




ÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU LỚP 5

NHỮNG NỘI DUNG CẦN GHI NHỚ





ĐẠI TỪ - ĐẠİ TỪ XUNG HỒ (Tuần 9, Tuần 11- Lớp 5):

Bài 1: Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :

- a) Tôi đang học bài thì Nam đến.....
- b) Người được nhà trường biểu dương là tôi.....
- c) Cả nhà rất yêu quý tôi.....
- d) Anh chị tôi đều học giỏi.....
- e) Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.....

Bài 2 : Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau , nói rõ từng đại từ thay thế cho từ ngữ nào :

Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc :

- Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? (câu 1)
- Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2)
- Tớ cũng thế. (câu 3)

Bài 3: Đọc các câu sau :

Sóc nhảy nhót chuyền cành thế nào ngã trúng ngay vào Chó Sói đang ngủ. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt, Sóc bèn van xin :

- Xin ông thả cháu ra.

Sói trả lời :

-Thôi được, ta sẽ thả mày ra. Có điều mày hãy nói cho ta hay , vì sao họ nhà Sóc chúng mày lúc nào cũng vui vẻ như vậy ?

(Theo Lép Tôn- xtôi)

- a) Tìm đại từ xung hô trong các câu trên.
- b) Phân các đại từ xung hô trên thành 2 loại :
 - Đại từ xung hô điển hình.
 - Danh từ lâm thời làm đại từ xung hô.

Bài 4: Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại :

- a) Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.
- b) Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.
- c) - Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?
- Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?



- Tớ cũng được 10 điểm.

.....

.....

.....

.....

QUAN HỆ TỪ

a) Ghi nhớ :

- QHT là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.
- Các QHT thường dùng là : *và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...*
- Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng 1 cặp QHT. Các cặp QHT thường dùng là :
 - + *Vì...nên...; Do...nên...; Nhờ...nên...* (biểu thị quan hệ nguyên nhân- kết quả).
 - + *Nếu ...thì...; Hễ... thì...* (biểu thị quan hệ giả thiết, điều kiện - kết quả).
 - + *Tuy ...nhưng...; Mặc dù... nhưng...* (biểu thị quan hệ tương phản, nhượng bộ, đối lập).
 - + *Không những... mà còn...; Không chỉ... mà còn...* (biểu thị quan hệ tăng tiến).

Bài 1: *Tìm QHT và cặp QHT trong đoạn trích sau và nêu rõ tác dụng của chúng :*

Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, còn Vạc thì lười biếng, suốt ngày chỉ nằm ngủ. Cò bảo mãi mà Vạc chẳng nghe. Nhờ chăm chỉ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: *Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống trong từng câu : nhưng, còn, và, hay, nhờ.*

- Chỉ ba tháng sau,.....siêng năng ,cần cù, cậu vượt lên đầu lớp.
- Ông tôi đã già.....không một ngày nào ông quên ra vườn.
- Tám rất chăm chỉ.....Cám thì lười biếng.
- Mình cầm lái.....cậu cầm lái ?
- Mây tan mưa tạnh dần.

Bài 3: *Đặt câu với mỗi QHT sau : của, để, do, bằng, với, hoặc.*

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: *Hãy đặt 4 câu trong đó có sử dụng 4 cặp QHT dùng để biểu thị quan hệ :*



Thư viện tiểu học – Ươm mầm tương lai

- Nguyên nhân- kết quả.....
- Điều kiện (giả thiết) - kết quả.....
- Nhượng bộ (đôi lập, tương phản).....
- Tăng tiến.....

TỪ ĐỒNG NGHĨA

a) Ghi nhớ :

* **TĐN** là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau . Có thể chia TĐN thành 2 loại :

- **TĐN hoàn toàn** (đồng nghĩa tuyệt đối) : Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, được dùng như nhau và có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

V.D : *xe lửa = tàu hoả*
con lợn = con heo

- **TĐN không hoàn toàn** (đồng nghĩa tương đối, đồng nghĩa khác sắc thái) : Là các từ tuy cùng nghĩa nhưng vẫn khác nhau phần nào sắc thái biểu cảm (biểu thị cảm xúc , thái độ) hoặc cách thức hành động. Khi dùng những từ này, ta phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp .

V.D: Biểu thị mức độ, trạng thái khác nhau : *cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô*,...(chỉ trạng thái chuyển động, vận động của sóng nước)

+ *Cuồn cuộn* : hết lớp sóng này đến lớp sóng khác, dồn dập và mạnh mẽ.

+ *Lăn tăn* : chỉ các gợn sóng nhỏ, đều, chen sát nhau trên bề mặt.

+ *Nhấp nhô* : chỉ các đợt sóng nhỏ nhô lên cao hơn so với xung quanh.

Bài 1: Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (được gạch chân) trong các dòng thơ sau :

- a- TRời thu xanh ngắt mấy tầng cao. (Nguyễn Khuyến)
- b- Tháng Tám mùa thu xanh thắm. (Tố Hữu)
- c- Một vùng cỏ mọc xanh rì. (Nguyễn Du)
- d- Nhớ từ sóng Hạ Long xanh biếc. (Chế Lan Viên)
- e- Suối dài xanh mướt nương ngô. (Tố Hữu)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Gạch chân dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại :

- a) *Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.*
- b) *Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn.*

Bài 3 : Tìm từ lạ trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại :

- a) *Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.*
- b) *Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp, thợ hàn, thợ mộc, thợ nề, thợ nguội.*
- c) *Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.*



.....

.....

.....

.....

Bài 4: Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống : **im lìm, vắng lặng, yên tĩnh.**

Cảnh vật trưa hè ở đây, cây cối đứng....., không gian.....
không một tiếng động nhỏ.

Bài 5: Tìm các từ ghép được cấu tạo theo mẫu :

- a) **Thợ** + X.....
- b) X + **viên**.....
- c) **Nhà** + X.....
- d) X + **sĩ**.....

Bài 6: Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây :

- a) Câu văn cần được (**đẽo, gọt, gọt giũa, vót, bào**) cho trong sáng và súc tích
- b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (**đỏ au, đỏ bừng, đỏ dẫn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng**).
- c) Dòng sông chảy rất (**hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu**) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

.....

.....

.....

Bài 7: Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm :

- a) **Cắt, thái,**
- b) **To, lớn,**.....
- c) **Chăm, chăm chỉ,**.....
- a) Nghĩa chung :
- b) Nghĩa chung :
- c) Nghĩa chung :

Bài 8: Dựa vào nghĩa của tiếng “**hoà**”, chia các từ sau thành 2 nhóm, nêu nghĩa của tiếng “**hoà**” có trong mỗi nhóm :

Hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà mình, hoà tan, hoà tấu, hoà thuận, hoà vốn.

.....

.....

.....

.....

Bài 9: Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau :

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà....., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng..... vì một lá